TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO THẮNG
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 02 - 2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con Khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồmn có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Thu Hương
2. Ông Đỗ Ngọc Sơn

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Hoàng Tùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Mai Ngọc - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 245/2017/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/12/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15/01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Bích N, sinh năm 1993
Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai
Có mặt.
2. Bị đơn: Anh Tống Mạnh T, sinh năm 1991
Địa chỉ: Thôn G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2017, bản tự khai ngày 12/10/2017 và trong quá trình xét xử chị Đặng Thị Bích N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tống Mạnh T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 26/6/2012 tại UBND xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, xuất phát từ đó vợ chồng hay cãi nhau, ngoài ra anh T còn rượu chè, cờ

bạc. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng chị đã nói chuyện với nhau để cùng khắc phục mâu thuẫn và gia đình hai bên cũng tham gia khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn, mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Do không khắc phục được mâu thuẫn nên đầu tháng 8 năm 2017 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở Tổ dân phố số 4, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai sinh sống và vợ chồng chị sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay không còn quan tâm hỏi han gì đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tống Mạnh T.

Về con chung: Chị Đặng Thị Bích N trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng chị có một con chung là cháu Tống Đặng Yến Nh, sinh ngày 24/12/2012 cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang sống cùng anh T tại nhà ông bà nội ở Thôn G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nh, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Đặng Thị Bích N trình bày vợ chồng chị không có tài sản chung không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Tống Mạnh T, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không tống đạt được các văn bản tố tụng cho anh T, do anh T không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh T đều vắng mặt và cũng không có văn bản trả lời ý kiến với Tòa án.

Về việc cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ về nhân thân, địa chỉ thường trú, chứng cứ chứng minh việc có đăng ký kết hôn và có con chung, chứng cứ chứng minh mâu thuẫn của vợ chồng, chứng cứ chứng minh về thu nhập cá nhân.

Đối với vụ án này Toà án không tiến hành hoà giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Vì anh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Toà án đã tiến hành lập biên bản về việc anh T vắng mặt để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay chị Đặng Thị Bích N vẫn giữ nguyên yêu cầu và nguyện vọng của mình, còn anh Tống Mạnh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Như vậy cần xét xử vắng mặt anh là phù hợp với Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng đã xác định: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân theo trình tự pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 4 Điều 147của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đặng Thị Bích N

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Đặng Thị Bích N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" với anh Tống Mạnh T (địa chỉ: Thôn G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai). Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Bích N và anh Tống Mạnh T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 26/6/2012 tại UBND xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau kết hôn vợ chồng chị N anh T sống hạnh phúc đến tháng 7/2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời trình bày của chị N đã được chính quyền địa phương xác nhận là đúng sự thật (Bút lục 37). Tại phiên toà hôm nay chị Đặng Thị Bích N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Tống Mạnh T. Đối với anh Tống Mạnh T vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh T không có mặt và cũng không có văn bản trả lời. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị N anh T đã thực sự trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không quan tâm đến nhau từ tháng 8/2017 đến nay nên việc chị N xin ly hôn anh T là có căn cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đặng Thị Bích N ly hôn anh Tống Mạnh T.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có một con chung cháu Tống Đặng Yến Nh, sinh ngày 24/12/2012. Cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, hiện đang sống cùng vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Đào Ngọc B (Là mẹ đẻ, bố dượng anh T) ở Thôn G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Tại phiên tòa hôm nay chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tống Đặng Yến Nh, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Đặng Thị Bích N cung cấp cho Tòa án chứng cứ là xác nhận của Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại HST xác nhận chị N làm lễ tân tại cửa hàng YAMAHA TOWN H - P có mức lương là 4.500.000đ/tháng (Bút lục 07). Anh T không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào. Xét thấy với mức thu nhập trên chị N có đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị N giao cháu Tống Đặng Yến Nh cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Trong quá trình tòa án giải quyết cũng như tại phiên toà hôm nay chị Đặng Thị Bích N trình bày vợ chồng chị không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đặng Thị Bích N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Xử cho chị Đặng Thị Bích N được ly hôn anh Tống Mạnh T

2.Về con chung: Xử giao cháu Tống Đặng Yến Nh, sinh ngày 24/12/2012 cho chị Đặng Thị Bích N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Tống Mạnh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Tống Mạnh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị Bích N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0007346 ngày 12/10/2017. Chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LC;
- VKSND tỉnh LC;
- VKSND huyện BT;
- UBND xã X;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

- Đương sự (2);
- Niêm yết;
- Chi cục THADS BT;
- Lưu HS, TA, VP.

Phạm Thị Thu Hằng